

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HS-ST
Ngày: 23-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thiềm Quốc Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Thanh Trí
- Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1023/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Phạm Thành N, sinh năm: 1979 tại Cần Thơ.

Nơi cư trú: D25-2, đường số 8, khu dân cư L T, khu vực T L, phường P T, quận C R, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà: Phạm Thị C (chết), vợ: Võ Thị Diễm S, có 01 người con; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam: ngày 22/4/2021. (Có mặt).

- Người bị hại:

+ **Trần Trung D**, sinh năm: 1965; Địa chỉ: khu vực 1, phường A K, quận N K, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

+ **Nguyễn Dân N**, sinh năm: 1964; Địa chỉ: đường 3/2, phường H L, quận N K, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ **Nguyễn Bá K**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: số 26A/7, đường B H N, khu vực 6, phường B T, quận B T, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

+ **Lê Đức L**, sinh năm: 1973; Địa chỉ: số 330, đường T Đ T, khu vực T H, phường P T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

+ **Võ Thị Diễm S**, sinh năm: 1995; Địa chỉ: D25-2, đường số 8, khu dân cư L T, khu vực T L, phường P T, quận C R, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 24/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ tiếp nhận kiến nghị khởi tố của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ đối với vụ việc Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xảy ra vào ngày 29/12/2019 tại phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Cụ thể, ngày 29/12/2019, Nguyễn Phạm Thành N ký hợp đồng với ông Trần Trung D để thuê xe bánh xích biển số 65XA-0642, hiệu Komatsu, loại PC200-7, mục đích thuê xe để phục vụ các công trình xây dựng, giá thuê xe là 30.000.000 đồng/tháng. Thực hiện hợp đồng, ông Trần Trung D đã tiến hành giao xe cho Nguyễn Phạm Thành N. Trong thời gian thuê xe, N chỉ trả cho ông D được 80.000.000 đồng tiền thuê xe. Sau đó, ông D phát hiện N đã bán chiếc xe đã thuê cho Nguyễn Bá K.

Quá trình điều tra đã xác định được, sau khi thuê xe của ông Trần Trung D, N mang xe đi làm công trình nhưng sau đó gặp khó khăn nên đã mang xe cầm cho Nguyễn Bá K, cư trú tại 26A/7, đường B H N, khu vực 6, phường B T, quận B T, thành phố Cần Thơ để lấy 150.000.000 đồng tiêu xài và trả nợ. Sau đó một thời gian, N tiếp tục gặp ông K và gợi ý bán luôn chiếc xe trên cho ông K với giá 200.000.000 đồng. Do N đã nhận trước 150.000.000 đồng nên chỉ lấy thêm 50.000.000 đồng. Sau khi mua chiếc xe của N, ông K sửa chữa lại rồi bán cho Huỳnh Ngọc T, cư trú tại 50/9, đường B H N, khu vực 7, phường B T, quận B T, thành phố Cần Thơ với giá 270.000.00 đồng. Sau đó, ông T bán xe lại cho một người khác không biết rõ họ tên, địa chỉ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/TCKH-HĐĐG ngày 18/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Cái Răng kết luận: 01 xe máy chuyên dùng, loại máy đào bánh xích biển số 65XA-0642 có giá là 270.000.000 đồng.

Ngoài ra, Nguyễn Phạm Thành N còn khai nhận, vào ngày 01/4/2020, có thuê của ông Nguyễn Dân N, cư trú tại đường 3/2, phường H L, quận N K, thành phố Cần Thơ 01 xe cuốc biển số 65XA-0204 và 01 xe lu tĩnh không biển số, có số sườn: KD10-30535, số máy: DA 120-550371 với tổng số tiền thuê của 02 xe mỗi tháng là 35.000.000 đồng, mục đích thuê xe để làm công trình xây dựng. Sau khi thuê được 02 chiếc xe trên, N trực tiếp mang đi làm công trình nhưng

không trả tiền thuê cho ông N. Sau nhiều lần tìm N đòi tiền thuê xe và yêu cầu hủy hợp đồng để lấy lại 02 chiếc xe thì N mới mang trả cho ông N chiếc xe cuối, riêng chiếc xe lu tỉnh N đã mang đến cơ sở phước liệu của Lê Đức L, cư trú tại số 330, đường T Đ T, khu vực T H, phường P T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thể chấp để làm niềm tin, mục đích kéo dài thời gian thuê chiếc sà lan của ông Lương.

Tại Kết luận định giá tài sản số 15/TCKH-HĐĐG ngày 18/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Cái Răng kết luận: 01 xe máy chuyên dùng loại xe lu tỉnh không biển số, có số sườn: KD-10-30535, số máy: DA 120-550371 có giá là 80.000.000 đồng.

Đối với xe máy chuyên dùng, loại đào bánh xích biển số 65XA-0642 là tang vật trong vụ án. Hiện tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ đã đăng báo truy tìm tang vật nhưng chưa thu hồi được do đã bán qua trung gian nhiều chủ nên tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Đối với xe máy chuyên dùng loại xe lu tỉnh không biển số, số sườn: KD-10-30535, số máy: DA 120-550371. Ngày 01/7/2022, Lê Đức L đồng ý giao xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xử lý theo quy định.

Đối với Lê Đức L khi nhận giữ xe lu tỉnh không biển số, số sườn: KD-10-30535, số máy: DA 120-550371 không biết xe do N phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Bá K và Huỳnh Ngọc T khi mua xe bánh xích biển số 65XA-0642 không biết tài sản do N phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Bản cáo trạng số 45/CT-VKSCR ngày 05/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ đã truy tố Nguyễn Phạm Thành N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Phạm Thành N vẫn thừa nhận hành vi phạm tội như đã khai trong quá trình điều tra và nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo chỉ xin xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Về trách nhiệm dân sự thì thống nhất bồi thường thêm cho các bị hại Trần Trung D 150.000.000 đồng, Nguyễn Dân N 69.000.000 đồng và trả lại cho Lê Đức L 80.000.000 đồng.

Người bị hại Trần Trung D yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 150.000.000 đồng ngoài số tiền 430.000.000 đồng mà bị cáo và gia đình đã đưa. Về phần hình phạt tù thì đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Người bị hại Nguyễn Dân N yêu cầu bị cáo trả thêm 69.000.000 đồng là tiền thuê xe. Về phần hình phạt tù thì đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Đức L yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 80.000.000 đồng là tiền đưa cho bị cáo để đi tìm chiếc sà lan mà bị cáo đã nhận khi giao xe lu tỉnh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Thị Diễm S không có ý kiến gì đối với số tiền đã đưa cho các bị hại Trần Trung D và Nguyễn Dân N.

Kiểm sát viên trình bày luận tội, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời phân tích, đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo. Trên cơ sở đó, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Thành N từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị ghi nhận thỏa thuận về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bên cạnh đó, Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hội đồng xét xử xét thấy, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện một cách nhất quán, đảm bảo tính khách quan, tính liên quan và hợp pháp, cơ quan tiến hành tố tụng cũng đã đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với các chứng cứ và tài liệu thu thập được, đã chứng minh được rằng, vào ngày 29/12/2019, bằng hình thức hợp đồng, Nguyễn Phạm Thành N thuê xe bánh xích biển số 65XA-0642, hiệu Komatsu của bị hại Trần Trung D với giá thuê 30.000.000 đồng/tháng để phục vụ công trình xây dựng. Sau khi nhận xe, N chỉ trả tiền thuê xe cho bị hại D 80.000.000 đồng và mang xe thuê được của ông D đi cầm để lấy 150.000.000 đồng. Sau đó, N bán luôn chiếc xe bánh xích biển số 65XA-0642, hiệu Komatsu cho Nguyễn Bá K để lấy tổng cộng 200.000.000 đồng. Ông D nhiều lần liên hệ với N để yêu cầu trả tiền thuê xe và trả xe nhưng N vẫn hẹn, không thực hiện và chiếm đoạt luôn chiếc xe đã thuê của ông D. Qua định giá, xe bánh xích biển số 65XA-0642, hiệu Komatsu bị N chiếm đoạt có giá trị là 270.000.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 01/4/2020, cũng bằng hình thức hợp đồng, N còn thuê xe của ông Nguyễn Dân N 01 xe cuốc biển số 65XA-0204 và 01 xe lu tỉnh với giá thuê là 35.000.000 đồng để làm công trình xây dựng. Sau khi nhận xe, N không trả tiền thuê xe và mới trả lại cho ông N được 01 xe cuốc biển số 65XA-0204 sau khi bị ông N đòi lại, còn chiếc xe lu tỉnh thì N không trả lại được do đã mang đến giao cho Lê Đức L để làm tin, kéo dài thời gian trả lại chiếc sà lan đã thuê của ông Lương. Qua định giá, xe lu tỉnh có giá trị là 80.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị N chiếm đoạt là 350.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản của các bị hại thì N đã bỏ

trôn. Do đó, hành vi của bị cáo N đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi này đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự như Kiểm sát viên luận tội là có căn cứ pháp luật.

[3] Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước ta đang ra sức xây dựng một xã hội văn minh, mọi người phải hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, xem pháp luật là thước đo chuẩn mực của đời sống xã hội nhưng bị cáo không thực hiện theo tinh thần đó mà đi ngược lại, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do đó, đối với bị cáo cần phải có hình phạt nghiêm nhằm để răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như bồi thường thiệt hại cho người bị hại, thành khẩn khai báo và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Theo đó, bị cáo có trách nhiệm bồi thường thêm cho bị hại Trần Trung D 150.000.000 đồng ngoài số tiền 430.000.000 đồng đã đưa trước, trả số tiền thuê xe 69.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Dân N và trả lại 80.000.000 đồng đã nhận của ông Lê Đức L.

[5] Đối với vật chứng là xe lu tĩnh, số máy: DA1-20-550371, số sườn: KD-10-30535 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị hại Nguyễn Dân N bị bị cáo chiếm đoạt nên trả lại cho bị hại N.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phạm Thành N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phạm Thành N 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22/4/2021.

2. Căn cứ: Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bị cáo có trách nhiệm trả cho bị hại Trần Trung D 150.000.000 đồng, trả cho bị hại Nguyễn Dân N 69.000.000 đồng và trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Đức L 80.000.000 đồng.

3. Căn cứ: Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị hại Nguyễn Dân N 01 xe lu tĩnh màu vàng, số máy: DA1-20-550371, số sườn: KD-10-30535 thu giữ trong vụ án.

4. Căn cứ: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Phạm Thành N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 14.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện KSND quận Cái Răng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Cái Răng;
- Chi cục THADS quận Cái Răng;
- Nhà tạm giữ Công an quận Cái Răng;
- Sở Tư pháp Tp. Cần Thơ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thiền Quốc Khanh

